**PHẦN II: NỘI DUNG**

**QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**A. QUY TRÌNH DIỆN TỬ CẤP TỈNH BAN HÀNH MỚI**

**I. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC**

**QUY TRÌNH (01)**

**Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với**

**công trình chưa vận hành**

**1. Thời gian thực hiện**:20 ngày làm việc.

**2. Lưu đồ giải quyết**:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lưu đồ** | | Đơn vị thực hiện | Thời gianthực hiện *(20 ngày)* |
| Phát hành  VB trả lại hồ sơ thẩm định  Hồ sơ đã chỉnh sửa  Tiếp nhận hồ sơ  Nhận hồ sơ từ Trung tâm  Dự thảo tờ trình, Quyết định  Khảo sát thực tế  Trình ký  Ký tờ trình  KTra hồ sơ  Ký VBTB  DTVBTBHS chỉnh sửa hoặc lý do K tính  DTVBTBHS không đạt sau khi KT hồ sơ  Trình UBND tỉnh  P.ĐK.TNMT |  | TTHCC | 0,5 ngày |
| Văn phòng | 0,5 ngày |
| P.TNN, KS và BĐKH | 01 ngày |
| P.TNN, KS và BĐKH | 03 ngày |
| P.TNN, KS và BĐKH | 01 ngày |
| Văn phòng | 0,5 ngày |
| Lãnh đạo Sở | 02 ngày |
| Văn phòng | 0,5 ngày |
| UBND tỉnh  Nhận kết quả từ UBNDT  Trả kết quả  UBND tỉnh ký quyết định | 10 ngày |
| Văn phòng | 0,5 ngày |
| TTHCC | 0,5 ngày |

**QUY TRÌNH (2)**

**Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với**

**công trình đã vận hành**

**1. Thời gian thực hiện**:42 ngày làm việc (giảm 03 ngày so với quy định)

**2. Lưu đồ giải quyết**:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lưu đồ** | | Đơn vị thực hiện | Thời gianthực hiện(42 ngày) |
| Phát hành  VB trả lại hồ sơ thẩm định  Hồ sơ đã chỉnh sửa  Tiếp nhận hồ sơ  Nhận hồ sơ từ Trung tâm  Dự thảo tờ trình, Quyết định  Khảo sát thực tế  Trình ký  Ký tờ trình  KTra hồ sơ  Ký VBTB  DTVBTBHS chỉnh sửa hoặc lý do K tính  DTVBTBHS không đạt sau khi KT hồ sơ  Trình UBND tỉnh  Ký QĐ  Nhận kết quả từ UBNDT  Trả kết quả  P.ĐK.TNMT |  | TTHCC | 0,5 ngày |
| Văn phòng | 01 ngày |
| P.TNN, KS và BĐKH | 10 ngày |
| P.TNN, KS và BĐKH | 07 ngày |
| P.TNN, KS và BĐKH | 02 ngày |
| Văn phòng | 01 ngày |
| Lãnh đạo Sở | 03 ngày |
| Văn phòng | 01 ngày |
| UBND tỉnh | 15 ngày |
| Văn phòng | 01 ngày |
| TTHCC | 0,5 ngày |

**B. QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ CẤP TỈNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

**I. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC**

**QUY TRÌNH (17)**

**Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước**

**1. Thời gian thực hiện**:15 ngày làm việc.

**2. Lưu đồ giải quyết**:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lưu đồ** | | Đơn vị thực hiện | Thời gianthực hiện *(15 ngày)* |
| Nhận hồ sơ từ Trung tâm  Dự thảo tờ trình, Quyết định  Khảo sát thực tế  Trình ký  Ký tờ trình  Ký Q/định  KTra hồ sơ  Trình UBND tỉnh  Phát hành  VB trả lại hồ sơ thẩm định  DTVBTBHS chỉnh sửa hoặc lý do K tính  DTVBTBHS không đạt sau khi KT hồ sơ  Ký VBTB  Tiếp nhận hồ sơ  Hồ sơ đã chỉnh sửa  Nhận kết quả từ UBNDT  Trả kết quả  P.ĐK.TNMT |  | TTHCC | 0,5 ngày |
| Văn phòng | 0,5 ngày |
| P.TNN, KS và BĐKH | 01 ngày |
| P.TNN, KS và BĐKH | 01 ngày |
| P.TNN, KS và BĐKH | 01 ngày |
| Văn phòng | 0,5 ngày |
| Lãnh đạo Sở | 02 ngày |
| Văn phòng | 0,5 ngày |
| UBND tỉnh | 07 ngày |
| Văn phòng | 0,5 ngày |
| TTHCC | 0,5 ngày |

**C. QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ CẤP TỈNH THAY THẾ**

**I. LĨNH VỰC ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ VÀ THÔNG TIN ĐỊA LÝ**

**QUY TRÌNH (3)**

**Cấp Chứng chỉ hàng nghề đo đạc và bản đồ hạng II**

**1. Thời hạn giải quyết:**

1.1 Cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II: Sau thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày đăng tải kết quả sát hạch và xét cấp chứng chỉ hành nghề.

1.2 Gia hạn/cấp lại/cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**2. Lưu đồ giải quyết:**

*2.1 Trường hợp Cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Lưu đồ** | **Đơn vị thực hiện** | **Thời gian giải quyết**  *(10 ngày)* |
| Kiểm tra sự đầy đủ và tính hợp lệ của hồ sơ, soạn thảo văn bản trả lời các trường hợp không đủ điều kiện (nếu có)  Tiếp nhận hồ sơ  Ngưng quy trình, chờ kết quả sát hạch kinh nghiệm nghề nghiệp và kiến thức pháp luật; kết quả công sát hạch và xét cấp chứng chỉ hành nghề  Tổng hợp kết quả , In chứng chỉ hành nghề, vào sổ theo dõi, trình ký  Trả kết quả  Không đạt  Chuyển TTHCC  Ký cấp Chứng chỉ hành nghề | Trung tâm HCC | 0,5 ngày |
|  | Chi cục Quản lý đất đai | 02 ngày |
|  |
|  | - Cá nhân đề nghị cấp Chứng chỉ.  - Sở Tài nguyên và Môi trường. | Nút dừng |
|  | Chi cục Quản lý đất đai | 08 ngày |
|  | Lãnh đạo Sở | 1,5 ngày |
|  |
|  | Văn phòng | 0,5 ngày |
|  | TTHCC | 0,5 ngày |
|  |

***2.2*** *Gia hạn/cấp lại/cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Lưu đồ** | **Đơn vị thực hiện** | **Thời gian giải quyết** *(03 ngày)* |
| Không đạt  Tiếp nhận hồ sơ | Trung tâm HCC | 0,5 ngày |
| Kiểm tra thông tin về chứng chỉ hành nghề đã cấp; viết, in Chứng chỉ hành nghề được gia hạn/cấp đổi/cấp lại | Chi cục Quản lý đất đai | 01 ngày |
| Ký gia hạn/cấp đổi/cấp lại Chứng chỉ hành nghề |
|  | Lãnh đạo Sở | 0,5 ngày |
| Chuyển TTHCC | Văn phòng | 0,5 ngày |
| Trả kết quả | TTHCC | 0,5 ngày |